TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:326 /2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v tranh chấp"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị An Thư

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hải Bình.

2. Ông Nguyễn Văn Trương

3. - *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp;

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2025/TLST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 389/2025/QĐST-DS ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Ngô Kim T, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp Long H, xã L, tỉnh Đồng Tháp (ấp L, xã L, huyện G, Tiền Giang cũ).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp *, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

** Bị đơn:*

1/ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1978.

2/ Chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp (ấp L, xã L, huyện G, Tiền Giang cũ)

(Bà P có mặt, ông P, bà T1 Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Bà và vợ chồng ông P, bà T1 là hàng xóm nên có cho vợ chồng ông P, bà T1 vay tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 26/5/2022 vay số tiền 75.000.000 đồng, thỏa thuận trả vào ngày 26/7/2022 âm lịch trả hoàn tất. Không lãi suất. Có giấy nợ do bà viết, ông P, bà T1 có ký tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông P, bà T1 trả cho bà 54.000.000 đồng, hiện còn nợ 21.000.000 đồng. Bà đòi nhiều lần nhưng ông P, bà T1 không chịu trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Kim T số tiền 21.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu thỏa thuận được thì cho ông P, bà T1 trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

** Bị đơn ông P, bà T1 trình bày:* Ông bà có vay của bà T số tiền 75.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông bà đã trả hết rồi, không có lấy giấy lại, cũng không có chứng cứ gì chỉ có mẹ chồng tôi thấy do bà T lên nhà lấy tiền.

Nay vợ chồng không biết tiền lãi còn thiếu bao nhiêu nhưng nghĩ là còn thiếu mấy tháng lãi. Nên yêu cầu được đối chất với bà T để thống nhất số tiền lãi.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn chị P trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu, trong giấy hẹn nợ của bà T nộp cho tòa không có thỏa thuận lãi suất hai bên. Chỉ cho ông P và bà T mượn đỡ 02 tháng số tiền 75.000.000 đồng. ông P bà T đã trả được 54.000.000 đồng, còn lại số tiền 21.000.000 đồng chưa trả chứ không phải tiền lãi như bên bị đơn nói, bên bị đơn nói trả hết mà không có chứng cứ gì, tòa triệu tập 02 lần dự phiên tòa lại vắng mặt, không có bản trình bày gì thêm, không đến tòa để đối chất. Nên phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Kim T số tiền 21.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, khi án có hiệu lực pháp luật Bà T cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nếu ông P và bà T không thực hiện trả nợ cho tháng đầu tiên, thì bà T được quyền yêu cầu thi hành án một lần hết số tiền 21.000.000 đồng đã nợ.

Bị đơn ông P, bà T1: Bà T có tự khai và có dự hòa giải có yêu cầu tòa đưa vụ án ra xét xử và đối chất tại tòa, Tòa án có mời trực tiếp giấy triệu tập và có tống đất quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập dự phiên tòa bà T có đơn xin vắng mặt, ông P triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có nơi cư trú tại Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 2- Đồng Tháp theo Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ trên cơ sở lời khai của bị đơn và chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì giữa bà Ngô Kim T và ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có xác lập hợp đồng vay tiền. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định Điều 463, Đ466 Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 26 tháng 5 năm 2022 áp dụng Bộ Luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản hòa giải tại tòa án và quá trình tranh tụng tại tòa.

[3.1] Về thời gian vay tiền và số tiền đã vay: vợ chồng ông P và bà T có xác lập giao dịch vay tiền của bà T số tiền là 75.000.000 đồng, có thỏa thuận thời gian, không thỏa thuận lãi suất. Ông P và bà T cho rằng đã trả hết số tiền 75.000.000 đồng không lấy giấy lại để bà T cầm giấy tiếp tục kiện, nhưng bị đơn không chứng minh được trả cho bà T như thế nào, không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh. Và nói vay có lãi nhưng không chứng minh được trả lãi cho bà T như thế nào ông P, bà T1 không chứng minh được theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, nên lời trình bày của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên bên nguyên đơn thừa nhận ông P và bà T đã trả được 54.000.000 đồng tiền gốc, còn thiếu lại 21.000.000 đồng chưa trả. Lời thừa nhận của nguyên đơn bị đơn không cần chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó cần buộc ông P, bà T1 trả cho Bà T 21.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: bên ông P, bà T1 nói có trả lãi, lãi suất cao nhưng không có yêu cầu phản tố, không chứng minh được đã trả lãi bao nhiêu, với mức lãi suất như thế nào, bên cạnh đó bên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí: Do yêu cầu của Bà Ngô Kim T được chấp nhận, nên ông P, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: ông P, bà T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 463, Điều 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015,

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Kim T.

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Kim T số tiền vay còn thiếu lại 21.000.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu đồng*)

Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật cho trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Qua một tháng đầu kể từ khi án có hiệu lực pháp luật mà ông P và bà T không trả. Thì bà T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án số tiền 21.000.000 đồng trả 01 lần.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 cùng chịu 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh ĐồngTháp.
- Viện kiểm sát nhân dân KV 2-ĐT;
-Phòng thi hành án dân sự tỉnh đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. án văn.09.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị An Thư